

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2018/HC - ST
Ngày 26 -11 -2018
“*V/v: Tranh chấp yêu cầu hủy
Quyết định hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ

Ông Trần Đình Đường

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đặng Thị Phương – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 32/2018/TLST-HC ngày 22 tháng 6 năm 2018 về “Yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Xóm a, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

Người đại diện được ủy quyền: Bà Hoàng Thị H

Địa chỉ: Số b, đường N, khối c, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

Người bị kiện: UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện được ủy quyền: Ông Hà Thanh T – Chức vụ: Phó chủ tịch (theo quyết định ủy quyền số 4890/QĐ-UBND ngày 16/8/2018); vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo pháp luật ông Hoàng Thanh T - Chủ tịch UBND xã N(vắng mặt)

Người đại diện được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Phó chủ tịch (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nội dung đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2018 ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H trình bày: Trước ngày 18/12/1980, vợ chồng ông S bà H được hợp tác xã H xã N cấp cho một lô đất làm nhà ở thửa số 331, tờ bản đồ số 7, diện tích 642m² theo bản đồ 299. Vợ chồng ông S bà H đã làm nhà ở và S sống ổn định tại đây cho đến năm 1993, do cơn bão mạnh làm đổ nhà, tài sản bị ngập lụt hư hỏng chỉ còn lại móng nhà. Đất của vợ chồng ông S bà H từ trước đến nay không có ai tranh chấp và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận tại biên bản ngày 23/8/2011. Cuối năm 2008, gia đình ông S bà H trình Ủy ban nhân dân xã N, và Ủy ban nhân dân thành phố V để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã N đã xác nhận đất của ông S bà H là đất ở, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng chủ sử dụng đất ở, sử dụng ổn định từ trước ngày 18/12/1980, đã xây nhà ở, không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật đất đai, không có đơn khiếu nại liên quan đến đất và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được phê duyệt đúng quy định, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gia đình cũng không tiếp tục xây nhà ở kiên cố được. Nhiều lần vợ chồng ông S bà H hỏi thì được trả lời là đất nằm trong phạm vi quy hoạch đường V – C nên không được cấp giấy chứng nhận và sẽ bồi thường sau. Đến ngày 27/11/2017, Ủy ban nhân dân thành phố V lập biên bản xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là đất nông nghiệp và ngày 02/3/2018 quyết định bồi thường theo đất nông nghiệp, làm thiệt hại quyền lợi của gia đình ông S bà H vì vậy ông S bà H yêu cầu:

Hủy một phần Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Đường giao thông nối V-C (giai đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.(viết tắt Quyết định số 1241/QĐ-UBND)

Hủy Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Đường giao thông nối V-C (giai đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (viết tắt Quyết định số 1264/QĐ-UBND)

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, UBND thành phố V trình bày: Theo Giấy xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã N lập ngày 02/11/2017, thì thửa đất số 213, tờ bản đồ số 27 xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An của ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H có nguồn gốc là đất được hợp tác xã Hồng H Thái cấp sau ngày 18/12/1980, trước ngày 15/10/1993 hộ ông

S bà H đã xây dựng nhà ở tại vị trí này một thời gian (không rõ thời điểm cụ thể). Trước năm 1993, gia đình ông S chuyển về ở trên thửa đất thổ cư của bố mẹ. Hiện trạng thửa đất không sử dụng vào mục đích đất ở mà đang sử dụng vào mục đích đất trồng cây lâu năm (cây keo). Hiện nay thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân thành phố V đã thực hiện thủ tục thu hồi đất, lập phương án và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng quy định hiện hành, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên các Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Đường giao thông nối V-C (giai đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An và Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Đường giao thông nối V-C (giai đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân xã N trình bày: Hộ ông S bà H được HTX H cấp cho gia đình ông bà để làm nhà ở sau ngày 18/12/1980 và trước ngày 15/10/1993. Ông S đã làm nhà ở tại thửa đất này một thời gian. Sau đó gia đình ông S chuyển về đất thổ cư của bố mẹ làm nhà ở (thời điểm chuyển trước ngày 15/10/1993). Hiện trạng thửa đất không sử dụng vào mục đích đất ở mà đang sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm. Như vậy việc quản lý, sử dụng thửa đất trên do hộ ông S bà H trực tiếp quản lý, sử dụng, nhưng mục đích sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 đến nay được sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm. Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Đường giao thông nối V-C (giai đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An và Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Đường giao thông nối V-C (giai đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Quá trình đối thoại, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo quy định của pháp luật về việc thụ lý, thu thập chứng cứ, tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; Việc tranh tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử được tiến hành đúng quy định của luật Tố tụng Hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015; Khoản 3 Điều 50 Luật đất đai 2003, Điều 100 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện:

- Hủy một phần Quyết định 1241/QĐ - UBND ngày 02/3/2018 liên quan đến việc xác định 685m² đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H;

- Hủy Quyết định 1264/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H.

Áp dụng Điều 348 Luật TTHC 2015 và Nghị quyết 326 để buộc người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xét xử vụ án. Người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 1 Điều 168 Luật tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An hủy Quyết định số 1241/QĐ-UBND và Quyết định số 1264/QĐ-UBND; Đây là việc khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 02/3/2018, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 1241/QĐ-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng đường giao thông nối V – C trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Xuân S. Ngày 02/3/2018, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Nguyễn Xuân S. Ngày 25/5/2018 ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H làm đơn khởi kiện. Như vậy, tính từ ngày cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính, đến ngày người khởi kiện nộp đơn khởi kiện gửi đến Tòa án là chưa quá 1 năm, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H khởi kiện đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp của các Quyết định hành chính bị khởi kiện:

4.1. Đối với Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Đường giao thông nối V – C (giai đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Quyết định số 1241/QĐ-UBND) thấy rằng:

- Về thẩm quyền: Thực hiện dự án Đường giao thông nối V – C (gia đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An đã có trong Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 13/5/2017, của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Đây là dự án phục vụ cho công trình giao thông theo khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013. Như vậy, Quyết định số 1241/QĐ-UBND ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc thửa đất thu hồi: Theo Ủy ban nhân dân xã N và Ủy ban nhân dân thành phố V và lời trình bày của ông S bà H tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đều có nội dung: Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 27 diện tích thu hồi 685m² tại xóm 12 xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An, ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H sử dụng có nguồn gốc là đất được hợp tác xã H cấp trước ngày 15/10/1993, hộ ông S bà H đã xây dựng nhà ở tại vị trí này một thời gian (không rõ thời điểm cụ thể). Như vậy, theo quy định tại Điều 79 Luật tổ tụng hành chính Hội đồng xét xử thừa nhận không cần phải chứng minh tình tiết này.

Hiện nay thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng tại hồ sơ ông Nguyễn Xuân S có cung cấp được tài liệu: Biên lai thu thuế nhà đất nộp liên tục 07 năm, nộp đến năm 2011 (BL31); giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nhà đất đến năm 2011 (BL 30). Giấy xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất được UBND xã N xác nhận có nội dung: “Đất ở do hợp tác xã cấp trước ngày 18/12/1980, thời điểm bắt đầu sử dụng trước ngày 18/12/1980” (BL19); Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện: Bản đồ đo đạc theo CT 299 thửa số 331, tờ bản đồ số 7, diện tích 642m². Biên bản xác định ranh giới thửa đất liền kề đất các hộ dân có đường dân cư đi vào (BL25); Hồ sơ địa chính xác nhận của chủ nhiệm hợp tác xã Hồng H Thái xã N, từ năm 2008 thửa đất ông S, bà H sử dụng có tổng diện tích 646m² trong đó có 200m² đất ở và 446m² đất vườn (BL16). Những tài liệu ông S bà H cung cấp được xác lập từ năm 2011 là khách quan. Đối chiếu với quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2015/NĐ-CP đó là những căn cứ để xác định việc ông S bà H sử dụng thửa đất là ổn định từ trước ngày 15/10/1993.

Căn cứ vào Giấy nguồn gốc và quá trình sử dụng đất số 99/GXN-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã N xác nhận “Về nguồn gốc sử dụng đất: đất ở sử dụng do HTX cấp trước ngày 18/12/1980” (BL29) và Danh sách công khai hộ gia đình có nguồn gốc sử dụng đất từ trước ngày 18/12/1980, hóa đơn nộp thuế nhà đất đến năm 2011; danh sách công khai sử dụng đất số 166/DSCK ngày 23/7/2011 của Ủy ban nhân dân xã N có ghi “Họ tên chủ sử dụng: Nguyễn Xuân S, Nguyễn Thị H; địa chỉ thửa đất: Xóm 12; tờ bản đồ số 27; thửa số 213; diện tích 685m² đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xóm 12, xã N, thành phố V. Đây là một trong những giấy tờ hợp pháp được quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003; nay Điều 100 Luật đất đai 2013. Gia đình ông Nguyễn Xuân S - bà Nguyễn Thị H đã xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã sử dụng có nguồn gốc rõ ràng được công khai từ năm 2011, trên thửa đất đã có móng nhà là khách quan. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố V cho rằng đất của ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H là đất trồng cây lâu năm là chưa đúng với quy định của pháp luật.

4.1 Đối với Quyết định 1264/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân

dân thành phố V về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Đường giao thông nối V-C (giai đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An đối với hộ ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H.

Căn cứ Quyết định số 1241/QĐ.UBND; Trên cơ sở kết quả thẩm định tại Công văn số 35/TCKH ngày 22/01/2018 của Phòng Tài chính – Kế Hoạch; Công văn số 26/QLĐT ngày 31/01/2018 của Phòng Quản lý đô thị và Công văn số 80/TNMT ngày 30/01/2018 của Phòng Tài nguyên - Môi trường; Tờ trình số 151/TTr - PTQĐ ngày 05/02/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất; Tờ trình số 531/TTr - TNMT ngày 07/02/2018 của Phòng tài nguyên - Môi trường; Do đó, UBND TP V ban hành Quyết định 1264/QĐ - UBND ngày 02/3/2018 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đối với hộ ông Nguyễn Xuân S - bà Nguyễn Thị H là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật đất đai 2013 và Nghị định 47/2014/NĐ - CP.

Xét thấy, Quyết định 1264/QĐ-UBND đã lên phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông S - bà H như sau:

- Bồi thường về đất nông nghiệp: $85.000\text{đồng} \times 685\text{m}^2 = 58.225.000\text{đồng}$
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 2 lần: $(85.000 \times 2) \times 685 = 116.450.000\text{đ}$
- Bồi thường tài sản (móng đá hộc): $7,04\text{m}^3 \times 944.000\text{đ} = 6.645.760\text{đồng}$
- Bồi thường cây cối, H màu: 54.630.000đồng

Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ: 235.950.760 đồng

Như vậy, việc UBND TP V tính toán bồi thường tài sản trên đất là đảm bảo đúng quy định tại Quyết định 58/2015/QĐ - UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An, ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H không đồng ý việc bồi thường theo loại đất nông nghiệp, thấy rằng:

Theo trình bày của UBND thành phố V thì căn cứ để UBND thành phố V lên phương án bồi thường đất nông nghiệp:

- Trích lục bản đồ địa chính khu đất bị thu hồi số 18/2017/BĐ.ĐC được Sở TNMT phê duyệt ngày 05/6/2017 thể hiện thửa đất của ông S, bà H thuộc loại đất “Đất trồng cây lâu năm – CLN”

- Theo Giấy xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất do UBND xã N lập ngày 02/11/2017 thì thửa đất có nguồn gốc là đất được HTX H cấp sau ngày 18/12/1980, hộ ông S đã dựng nhà ở một thời gian. Trước năm 1993, gia đình ông S chuyển về ở với bố mẹ. Hiện trạng thửa đất không sử dụng vào mục đích đất ở mà đang sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm (trồng keo)

- Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng, kê khai tài sản, vật kiến trúc, cây cối H màu lập ngày 08/9/2017 đã được hộ ông S thống nhất ký tên thì thửa đất đang sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm. Vì vậy, UBND thành phố V bồi thường theo giá đất nông nghiệp.

Nhưng, căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ và trình bày của các đương sự xác định như nêu trên thì nguồn gốc thửa đất gia đình ông S, bà H đã được HTX H cấp cho 01 lô đất trước ngày 15/10/1993, mục đích là đất ở. Bản đồ đo đạc theo CT 299 thửa số 331, tờ bản đồ số 7 diện tích 642m² là đất ở. Theo bản đồ đo đạc 1993 là thửa 233, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.497m², loại đất: thổ cư (T), diện tích tăng do đo cùng với hộ ông N; Theo hồ sơ địa chính lập 2001 là thửa 213, tờ bản đồ số 27, diện tích 685,0m², loại đất màu (ĐM). Thực tế gia đình ông S, bà H đã xây nhà và S sống trên thửa đất được giao, sau đó do hoàn cảnh và thiên tai nên gia đình chuyển về S sống cùng với bố mẹ. Năm 2003, gia đình ông S đã có đơn gửi HTX H và UBND xã N đề nghị xác định lại thửa đất trên là đất ở được cấp tháng 11/1980 mà không phải đất 2 lúa. Đơn đề nghị này đã được Đội trưởng đội sản xuất HTX H qua các thời kỳ xác nhận trình bày là đúng (BL 173). Quá trình sử dụng đất, gia đình ông S đã thực hiện nghĩa vụ tài chính và được Đội thuế UBND xã N xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nhà đất cho Nhà nước từ khi sử dụng đất đến năm 2011 (BL 30 - 31).

Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông S, bà H đã làm hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất, UBND xã N đã xác nhận tại các tài liệu: (1) Tại giấy xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất số 99/GXN- UBND ngày 23/8/2011 có nội dung: “Thời điểm bắt đầu sử dụng đất với mục đích đất ở trước ngày 18/12/1980”(BL 29): Nguồn gốc thửa đất do HTX cấp trước ngày 18/12/1980, đã xây dựng nhà, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, thủ tục công khai thực hiện đúng quy định, không có đơn khiếu nại, đề nghị UBND TP V cấp GCNQSD đất; Tại danh sách công khai hộ gia đình có nguồn gốc sử dụng đất trước ngày 18/12/1980: Hộ ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số 27, có nguồn gốc do HTX H cấp trước ngày 18/12/1980; Tại Biên bản kết thúc công khai hộ gia đình có nguồn gốc sử dụng trước ngày 18/12/1980 và đủ điều kiện cấp GCNQSD đất. Việc công bố danh sách này không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị nào.

Đồng thời, UBND xã N cũng đã có Tờ trình số 97/TTr - UBND ngày 25/8/2011 của UBND xã N về việc đề nghị chỉnh lý loại đất trên bản đồ địa chính thể hiện là đất màu, nhưng trên thực tế đã sử dụng vào mục đích đất ở từ trước ngày 18/12/1980 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân S, xóm a, xã N thành phố V (BL27).

Như vậy, có cơ sở xác định hộ ông S đã được HTX H cấp đất trước ngày 18/12/1980 với mục đích đất ở, đã làm nhà ở, và được chính quyền địa phương cũng như các hộ dân thừa nhận, không có tranh chấp. Đến năm 2011 được Đội thuế UBND xã N xác nhận thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đến 2011, khi gia đình ông S, bà H lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất thì UBND xã N cũng đã xác nhận nguồn gốc sử dụng đất trước ngày 18/12/1980, đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất. Những tài liệu này xuất hiện trước khi có chủ trương thu hồi đất và lập phương án đền bù đất. Do đó, UBND xã N thực hiện việc xác nhận lập hồ sơ đất trong quá trình quản lý Nhà nước về đất đai nên đảm bảo phản ánh là khách quan, trung thực diễn biến của sự việc. Thửa đất đã nộp thuế nhà đất liên tục đến năm 2011, đã làm nhà hiện còn có móng nhà, gia đình chưa làm vì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vì lý do đất đã quy hoạch đường V

- C) là do khách quan. Hội đồng xét xử cũng xét thấy, lời làm chứng của ông Nguyễn Hữu D - sinh năm 1933, bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1944, bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1952 tại phiên tòa cũng phù hợp với tài liệu có tại hồ sơ là Biên bản họp xóm a, xã N vào các ngày 11/10/2007 và 11/11/2018 về việc xác nhận nguồn gốc của 4 hộ Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trọng Đ và Nguyễn Xuân S là đất thổ cư đã có nhà ở. Trên thực tế thì các hộ Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trọng Đ cũng đã được lập phương án đền bù loại đất ở.

Do đó, UBND thành phố V căn cứ Giấy xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất do UBND xã N lập ngày 02/11/2017 để xác định thửa đất cấp sau ngày 18/12/1980, hiện trạng không sử dụng vào mục đích đất ở mà đang sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm nên đến năm 2018 để lập phương án bồi thường theo giá trị đất nông nghiệp là không chính xác, không khách quan với các tài liệu mà UBND xã N đã xác nhận tại thời điểm gia đình ông S làm hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất; Không đúng thực tế là gia đình ông S có móng nhà trên đất thể hiện đã sử dụng vào mục đích đất ở và nguồn gốc đất được đương sự thừa nhận, chưa có quyết định nào của cấp có thẩm quyền thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất trước khi nhà nước thu hồi để thực hiện dự án mở đường V – C.

Từ các tài liệu và chứng cứ như đã phân tích trên, có cơ sở để xác định gia đình ông S, bà H đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất vào mục đích đất ở theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Luật đất đai 2003, Điều 100 Luật đất đai 2013, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là do bị quy hoạch làm đường. Việc UBND TP V thu hồi loại đất, lập phương án bồi thường theo giá đất nông nghiệp là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H. Do đó, có căn cứ áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; Khoản 3 Điều 50 Luật đất đai 2003, Điều 100 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: - Hủy một phần Quyết định 1241/QĐ - UBND ngày 02/3/2018 liên quan đến việc xác định 685m² đất của ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H;

- Hủy Quyết định 1264 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H.

Buộc cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Tòa án chấp nhận nội dung khởi kiện hủy quyết định hành chính của UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An căn cứ Điều 348 Luật TTHC 2015 và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016; buộc UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; khoản 3 Điều 50 Luật đất đai

2003, Điều 100 Luật đất đai 2013; Điều 18; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị H:

- Hủy một phần Quyết định 1241/QĐ - UBND ngày 02/3/2018, về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Đường giao thông nối V-C (giai đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V (đất ở đất nông nghiệp đợt 1). Hủy phần thu hồi 685,0m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 213, tờ bản đồ số 27 tại xóm a, xã N, của ông Nguyễn Xuân S - bà Nguyễn Thị H.

- Hủy Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/3/2018, về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Dự án: Đường giao thông nối V – C (giai đoạn 1) đoạn qua xóm a, xã N, thành phố V đối với ông Nguyễn Xuân S - bà Nguyễn Thị H.

Buộc cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015 và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 20/12/2016 Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Xuân S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo biên lai nộp tiền số 0000734 ngày 11/6/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Người khởi kiện có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Luật tổ tụng hành chính./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đức Thi